

Bản án số 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2021
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Hảo

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền tham gia phiên toà:
Ông Đoàn Quảng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê T Y; nơi cư trú: Số 55/81 đường Đ, phường L V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Đ P; nơi cư trú: Số 55/81 đường Đ, phường L V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê T Y trình bày:

Chị Y và anh Vũ Đ P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam và có làm thủ

tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 5 năm 2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bản thân chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị Y và anh P có 02 con chung là Vũ A V, sinh ngày 22/8/2011 và Vũ T H, sinh ngày 17/5/2013. Khi ly hôn chị và anh P thỏa thuận giao con lớn giao con lớn Vũ A V cho anh P nuôi; giao con nhỏ Vũ T H cho chị Y nuôi. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị Y và anh P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Y và anh P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Đ P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo nội dung trình bày:

Anh và chị Lê T Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 5 năm 2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bản thân anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y có đơn xin ly hôn anh P đồng ý xin ly hôn.

Về con chung: Anh P và chị Y có 02 con chung là Vũ A V, sinh ngày 22/8/2011 và Vũ T H, sinh ngày 17/5/2013. Khi ly hôn anh P và chị Y thỏa thuận giao con lớn Vũ A V cho anh P nuôi; giao con nhỏ Vũ T H cho chị Y nuôi. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị Y và anh P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Y và anh P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về cuộc sống hôn nhân của chị Y và anh P tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của đại diện gia đình. Các lời khai đều thể hiện mâu thuẫn chị Y và anh P là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa:

Chị Lê T Y giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Bị đơn anh Vũ Đ P vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn của chị Lê T Y và anh Vũ Đ P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê T Y được ly hôn với và anh Vũ Đ P; về con chung: Đề nghị giao con lớn là Vũ A V, sinh ngày 22/8/2011 cho anh P nuôi; giao con nhỏ Vũ T H, sinh ngày 17/5/2013 cho chị Y nuôi; về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị Y và anh P tự thỏa thuận nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; về tài sản chung: chị Y và anh P không có vì vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Đ P cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Vũ Đ P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Lê T Y và anh Vũ Đ P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân của chị Y và anh P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Sau khi chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm làm kinh tế, lối sống, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay

không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Xét cuộc sống chung của chị Y và anh P không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Y và anh P đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét yêu cầu của anh chị là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê T Y đối với anh Vũ Đ P.

+ Về con chung:

[5] Về con chung: Chị Lê T Y và Vũ Đ P có hai con chung là Vũ A V, sinh ngày 22/8/2011 và Vũ T H, sinh ngày 17/5/2013. Khi ly hôn chị Y và anh P thỏa thuận giao con lớn Vũ A V cho anh P trực tiếp nuôi; giao con nhỏ Vũ T H cho chị Y trực tiếp nuôi. Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận nuôi con của chị Y và anh P là phù hợp với pháp luật được chấp nhận. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị Y và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung:

[6] Chị Lê T Y và anh Vũ Đ P không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí:

[7] Chị Lê Thị Hải Yến phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê T Y được ly hôn với anh Vũ Đ P.

2. Về con chung: Giao Vũ A V, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011 cho anh Vũ Đ P trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con Vũ T H, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2013 cho chị Lê T Y trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định

của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Y và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê T Y và anh Vũ Đ P không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê T Y phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nguyệt đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007074 ngày 01/7/2021. Chị Lê T Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Lê T Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Vũ Đ P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- UBND phường L V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng (ĐKKH ngày 05/5/2011)
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang